

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 740/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không có.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 480/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2020 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Làng T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Trà Văn D, sinh năm: 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 19/5, đường 702, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2022 và các lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Bà cùng ông Trà Văn D là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy

chứng nhận kết hôn số: 22, quyển số: 01/2012 ngày 06/3/2012. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng thường hay bất đồng về cách sống. Từ đó hai vợ chồng bà ngày càng không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ làm cho hạnh phúc gia đình không còn. Hiện nay cả hai không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau nữa nên không thể tiếp tục chung sống. Do đó, bà P xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Không có con chung.

Về Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

*** Theo đơn bản tự khai ngày 18/4/2022 và các lời khai tại Tòa, bị đơn ông Trà Văn D trình bày:**

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị P, ông D thống nhất lời trình bày của bà P về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung.

Ông đồng ý với bà P về mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, làm cho hạnh phúc gia đình không còn, từ năm 2016 hai vợ chồng đã không còn chung sống hay liên hệ gì với nhau. Nay bà P yêu cầu xin ly hôn, ông thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trà Văn D là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Trà Văn D hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi hoà giải xét xử của Toà các cấp nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Trà Văn D có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 22, Quyển số: 01/2012 ngày 06/3/2012 đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà P trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể cứu vãn được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay nên bà P yêu cầu được ly hôn ông Trà Văn D. Tại phiên Tòa, ông D nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông D đồng ý ly hôn. Xét thấy đời sống chung của ông D và bà P mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đồng thời ông D và bà P thuận tình ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà P và ông D.

[4] Về con chung: không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà P tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P là được ly hôn với ông Trà Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 22, Quyền số: 01/2012 ngày 06/3/2012 của UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị P và ông Trà Văn D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị P tự chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2021/0044191 ngày 29/3/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND xã T, h.Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Phạm Thị Hồng Ngọc

